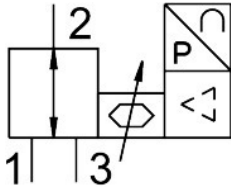


# Van điều khiển tỉ lệ áp suất VEAB-L-26-D14-Q4-A4-1R1

Số bộ phận: 8046308

FESTO



## Bảng dữ liệu

| Đặc tính                                                   | Giá trị                                                               |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| Chức năng van                                              | Van 3 nhánh định lượng điều chỉnh áp suất                             |
| Kiểu điều khiển                                            | trực tiếp                                                             |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo cơ học                                                          |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                                                  |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                                                                |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                                                   |
| Tổng lượng rò rỉ                                           | 1 l/h                                                                 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                             | 0 °C...50 °C                                                          |
| Nhiệt độ trung bình                                        | 5 °C...50 °C                                                          |
| Nhiệt độ bảo quản                                          | -20 °C...70 °C                                                        |
| Kích thước B x L x H                                       | 18 mm x 60,5 mm x 85 mm                                               |
| Cổng nối khí nén 1                                         | QS-4                                                                  |
| Cổng nối khí nén 2                                         | QS-4                                                                  |
| Cổng nối khí nén 3                                         | QS-4                                                                  |
| Vật liệu của phớt                                          | NBR                                                                   |
| Kiểu gắn                                                   | với lỗ xuyên<br>với phụ kiện<br>tùy ý:                                |
| Áp suất đầu vào 1                                          | 0 MPA<br>0 bar<br>0 psi                                               |
| Áp suất đầu ra 2                                           | -100 kPa...-0.5 kPa<br>-1 bar...-0.005 bar<br>-14.5 psi...-0.0725 psi |
| Áp suất đầu vào 3                                          | -0.1 MPA<br>-1 bar<br>-14.5 psi                                       |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 4.5 l/ph                                                              |
| Lưu lượng định mức thông thường 2-3                        | 3 l/ph                                                                |
| Tuyến tính                                                 | 0.5 %FS                                                               |
| Khả năng tái lập                                           | 0.4 %FS                                                               |
| Độ trễ                                                     | 0.25 %FS                                                              |
| Hệ số nhiệt độ                                             | 0.05 %/K                                                              |

| Đặc tính                                        | Giá trị                                                                                                                                   |
|-------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Độ chính xác tổng thể                           | 0,75%FS                                                                                                                                   |
| trọng lượng sản phẩm                            | 70 g                                                                                                                                      |
| Môi chất vận hành                               | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]<br>Khí trơ                                                                                           |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển           | Không thể hoạt động bằng dầu                                                                                                              |
| Mức độ bảo vệ                                   | IP65                                                                                                                                      |
| Giấy phép                                       | Dấu RCM                                                                                                                                   |
| Dấu hiệu KC                                     | KC-EMV                                                                                                                                    |
| Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)             | theo chỉ thị EMC của EU<br>theo chỉ thị RoHS của EU                                                                                       |
| Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)           | theo quy định UK cho EMV<br>theo các quy định UK RoHS                                                                                     |
| Ghi chú vật liệu                                | Tuân thủ RoHS                                                                                                                             |
| Tuân thủ LABS                                   | VDMA24364 Vùng III                                                                                                                        |
| Lớp chống ăn mòn KBK                            | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                                                                                    |
| Dải điện áp hoạt động DC                        | 19 V...29 V                                                                                                                               |
| Điện áp hoạt động danh định DC                  | 24 V                                                                                                                                      |
| Dao động                                        | 10 %                                                                                                                                      |
| Giá trị định mức                                | 4 - 20 mA                                                                                                                                 |
| Dải tín hiệu đầu ra analog                      | 4 - 20 mA                                                                                                                                 |
| Độ chính xác đầu ra analog tính bằng $\pm\%$ FS | 2 %FS                                                                                                                                     |
| Mức tiêu thụ năng lượng điện tối đa             | 1 W                                                                                                                                       |
| Chống phân cực                                  | cho tất cả các kết nối điện                                                                                                               |
| Chống chịu ngắn mạch                            | cho tất cả các kết nối điện                                                                                                               |
| Hướng dẫn an toàn                               | Vị trí an toàn VEAA / VEAB: nếu nguồn điện bị lỗi, áp suất đầu ra được duy trì không được kiểm soát và có thể tăng hoặc giảm - van bị tắc |
| Kiểu hiển thị                                   | Đèn LED                                                                                                                                   |
| Cổng nối điện                                   | 4 chân<br>M8x1<br>Phích cắm<br>theo EN 60947-5-2                                                                                          |
| Vật liệu vỏ                                     | PA gia cố                                                                                                                                 |